

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1978, nơi cư trú: Số 136 phố L, tổ Đ 1 (cũ là tổ Q 3), phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Trung K, sinh năm 1977, nơi cư trú: Số 136 phố L, tổ Đ 1 (cũ là tổ Q 3), phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 15 tháng 01 năm 2024, bản tự khai ngày 02 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K kết hôn với nhau từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 12/04/2002. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Phạm Trung K thường xuyên chơi cờ bạc và nợ nần chồng chất dẫn tới kinh tế gia đình suy kiệt. Bản thân chị và gia đình nhiều lần phải đứng ra trả nợ thay cho anh K, nhưng anh K vẫn không chịu thay đổi khiến cho chị thấy vô cùng mệt mỏi khi phải chung sống với anh K. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/12/2002 và Phạm Khánh C sinh ngày 28/07/2011. Khi ly hôn chị T nhận nuôi cháu Phạm Khánh C; còn cháu Phạm Thị Thu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo và giấy triệu tập cho bị đơn là anh Phạm Trung K, nhưng anh K không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đỗ Thị T.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi chị T và anh K sinh sống cũng như ý kiến của gia đình: Quá trình chung sống, chị T và anh K có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh K chơi cờ bạc, cờ bạc, vay nợ nhiều người làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và tình cảm vợ chồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Phạm Trung K.
- Về con chung: Giao con chung là Phạm Khánh C, sinh ngày 28/07/2011 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; đối với con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/12/2002 hiện đã thành niên, chị T không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Phạm Trung K, hiện cư trú tại: Số 136 phố L, tổ Đ 1 (cũ là tổ Q 3), phường P, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, anh K vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Trung K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 12 tháng 4 năm 2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của chị T và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn về kinh tế. Vì thế đã khiến cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau được thể hiện bằng việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Về phía anh Phạm Trung K, mặc dù biết việc chị T xin ly hôn mình tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia hòa giải, điều đó cho thấy anh K cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của anh và chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/12/2002 và Phạm Khánh C, sinh ngày 28/07/2011. Hội đồng xét xử thấy cháu Phạm Khánh C là con gái đang ở độ tuổi dạy thì, cần sự chăm sóc chỉ bảo của mẹ; anh K không có ý kiến gì về việc nuôi con khi ly hôn; cháu C lại có

nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Khánh C khi ly hôn. Đối với con chung Phạm Thị Thu H đã thành niên và có khả năng lao động, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Phạm Trung K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Khánh C, sinh ngày 28/07/2011 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/12/2002, hiện đã thành niên và có khả năng lao động, chị T không yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Đỗ

Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0004805 ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường P;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình